

THÔNG TƯ số 111/2000/TT-BTC ngày 21/11/2000 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng tiền thu lệ phí hạn ngạch về xuất khẩu hàng dệt, may vào thị trường có hạn ngạch EU và Canada; lệ phí cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện thường trú của các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp, quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 99/1999/QĐ-BTC ngày 27/8/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mức thu lệ phí hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt, may vào thị trường EU và Canada; Thông tư số 73/1999/TT-BTC ngày 14/6/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu lệ phí cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện thường trú của tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 150/199/TT-BTC ngày 21/12/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 195/1999/QĐ-TTg ngày 27/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập, sử dụng và quản lý Quỹ hỗ trợ xuất khẩu, trong đó đã quy định cơ quan, đơn vị tổ chức thu lệ phí cấp hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu; lệ phí cấp giấy phép đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam được hưởng một khoản thù lao tối đa 10% và nộp vào Quỹ hỗ trợ xuất khẩu 90% số thu còn lại;

Sau khi thống nhất với Bộ Thương mại, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng tiền thu lệ phí hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt, may vào thị trường có hạn ngạch EU, Canada; lệ phí

cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện thường trú của các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Lệ phí hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt, may vào thị trường có hạn ngạch EU, Canada; lệ phí cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện thường trú của các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam là khoản thu của ngân sách nhà nước nhằm mục đích bù đắp một phần chi phí cho các hoạt động quản lý nhà nước và cấp giấy phép xuất khẩu hàng dệt, may vào thị trường có hạn ngạch EU, Canada; cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện thường trú của các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

2. Việc sử dụng lệ phí cấp giấy phép xuất khẩu hàng dệt, may vào thị trường có hạn ngạch EU, Canada; cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện thường trú của các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam hàng năm phải được lập dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Nội dung chi:

1.1. Chi phí thường xuyên đảm bảo cho các hoạt động cấp giấy phép, cấp hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt, may; chi phí cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện thường trú của các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam. Nội dung chi bao gồm:

- Chi in tờ khai cấp giấy phép.
- Chi mua văn phòng phẩm.
- Chi trao đổi thông tin, sưu tầm thông tin tài liệu dịch về thi hành Hiệp định buôn bán hàng dệt, may giữa Việt Nam với các thị trường có áp dụng hạn ngạch.
- Chi phí cho chuyên gia Việt Nam ra nước

ngoài nghiên cứu và mời chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam để trao đổi, học tập kinh nghiệm việc thực hiện Hiệp định về buôn bán hàng dệt, may giữa Việt Nam với các thị trường có áp dụng hạn ngạch (không được chi phí cho các đoàn chuyên gia là doanh nghiệp).

- Chi phí cho các cuộc hội thảo, tuyên truyền, quảng cáo, triển lãm về xuất khẩu hàng dệt, may giữa Việt Nam với các thị trường có áp dụng hạn ngạch.

- Chi phí cho các hoạt động nhằm thúc đẩy tăng nhanh hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam vào các thị trường có áp dụng hạn ngạch.

- Chi phí các đoàn kiểm tra định kỳ và bất thường trong việc thực hiện hạn ngạch để nâng cao hiệu quả thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam với các thị trường có áp dụng hạn ngạch.

- Chi trả tiền công, các khoản đóng góp cho lao động hợp đồng theo chế độ quy định.

- Chi bồi dưỡng làm đêm, thêm giờ cho công chức, viên chức thu lệ phí ngoài chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chi phí mua sắm, sửa chữa công cụ, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ việc thu lệ phí và cấp hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt, may vào thị trường có hạn ngạch EU, Canada.

1.2. Trích quỹ khen thưởng cho cán bộ, công chức trực tiếp liên quan thực hiện thu lệ phí. Mức trích quỹ khen thưởng bình quân một năm cho một người tối đa mỗi năm không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện.

Số tiền 10% lệ phí được trích để lại Bộ Thương mại tổ chức chi theo nội dung chi quy định tại các điểm 1.1 và 1.2 Mục II ở trên ngân sách không cấp thêm, nếu cuối năm sử dụng không hết thì phải nộp toàn bộ phần còn lại vào ngân sách nhà nước.

2. Lập và chấp hành dự toán thu, chi lệ phí cấp giấy phép xuất khẩu hàng dệt, may vào thị trường

có hạn ngạch EU, Canada; cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện thường trú của các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

2.1. Hàng năm, căn cứ vào mức thu theo quy định của Bộ Tài chính ban hành biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép về kinh doanh xuất khẩu hàng dệt, may vào thị trường có hạn ngạch EU, Canada; cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện thường trú của các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam và nội dung chi quy định tại Thông tư này và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, Bộ Thương mại lập dự toán thu, chi lệ phí chi tiết theo Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành gửi Bộ Tài chính.

2.2. Căn cứ dự toán thu, chi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Thương mại lập dự toán thu, chi hàng quý chi tiết theo Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch, Bộ Tài chính để làm căn cứ kiểm soát thu, chi.

2.3. Bộ Thương mại phải mở tài khoản thu lệ phí tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Số tiền lệ phí thu được phải nộp toàn bộ vào tài khoản thu của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

2.4. Căn cứ vào số thu lệ phí; dự án chi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lệnh chuẩn chi của thủ trưởng đơn vị và các chứng từ hồ sơ hợp pháp, hợp lệ, Kho bạc nhà nước cấp tạm ứng hoặc thanh toán cho đơn vị theo quy định hiện hành về chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước và quy định tại Thông tư này. Các khoản chi sai ngoài dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đều phải xuất toán, thu hồi nộp ngân sách nhà nước. Người ra lệnh chi sai phải bồi hoàn công quỹ và xử lý theo quy định của pháp luật.

2.5. Bộ Thương mại có trách nhiệm kê khai, thu, nộp và quản lý tiền lệ phí theo đúng quy định hiện hành.

3. Quyết toán thu, chi lệ phí cấp giấy phép xuất

khẩu hàng dệt, may vào thị trường có hạn ngạch EU, Canada; cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện thường trú của các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

- Bộ Thương mại có trách nhiệm mở sổ sách kế toán để ghi chép hạch toán và quyết toán số thu, chi lệ phí theo đúng quy định tại Quyết định số 999/TC/QĐ-CKT ngày 02/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Bộ Thương mại có trách nhiệm duyệt quyết toán thu, chi lệ phí cấp giấy phép xuất khẩu hàng dệt, may vào thị trường có hạn ngạch EU, Canada; cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện thường trú của các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam của các đơn vị trực thuộc và tổng hợp vào báo cáo quyết toán chung gửi Bộ Tài chính thẩm định và ra thông báo duyệt quyết toán cùng với quyết toán của Bộ Thương mại.

- Bộ Thương mại có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra định kỳ (hoặc đột xuất) để đảm bảo thu, chi đúng chế độ quy định.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Các quy định tại Thông tư này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2000. Các quy định khác về sử dụng lệ phí cấp giấy phép xuất khẩu hàng dệt, may vào thị trường có hạn ngạch EU, Canada; cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện thường trú của các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị Bộ Thương mại phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

THÔNG TƯ số 115/2000/TT-BTC ngày 11/12/2000 hướng dẫn thi hành Nghị định số 38/2000/NĐ-CP ngày 23/8/2000 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

Căn cứ vào Luật Đất đai năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 38/2000/NĐ-CP ngày 23/8/2000 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. Phạm vi áp dụng.

Thông tư này hướng dẫn việc thu tiền sử dụng đất trong các trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi chung là người sử dụng đất) được Nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và người đang sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định chi tiết tại Nghị định số 38/2000/NĐ-CP ngày 23/8/2000 của Chính phủ và quy định của pháp luật về đất đai.

II. Đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất.

1. Người sử dụng đất được Nhà nước giao đất để sử dụng vào các mục đích sau đây:

1.1. Hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở;

1.2. Tổ chức kinh tế đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê;

1.3. Tổ chức kinh tế đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê;

1.4. Tổ chức kinh tế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất có thu tiền sử dụng đất để